

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2023/DS-PT
Ngày: 26-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga;
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Hoàng M, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:**

1. Ông Trương Duy T - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

1.1. Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 81, Khu 1B, Quốc lộ 50, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An

1.2. Bà Trương Thị Khánh V, sinh năm 1985;

1.3. Bà Trương Thị Khánh Ch, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số 004, Lô D2, Chung cư 1A-1B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Khánh Ch, Khánh V: Bà Nguyễn Thị Xuân L (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/9/2022).

2. Bà Nguyễn Thị Xuân L - Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long. Địa chỉ: Số 81, Khu 1B, Quốc lộ 50, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thị Mỹ H. Địa chỉ: Số 15, Đường Số 7, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà L: Luật sư Vũ Đình Th - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Mỹ Hóa, chi nhánh Cần Giuộc – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9. Địa chỉ: Số 103, Tổ 6, Khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 81, Khu 1B, Quốc lộ 50, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Bình Minh.

2. Ban quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị; Địa chỉ: Lầu 3, Số 176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Ông Cao Hồng S. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long;

4. Ông Bùi Văn V. Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Lê Thanh Ch. Địa chỉ: Ấp 7A, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Tạm trú: Số 42, Đường Nguyễn Văn Tạo, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đoàn Hoàng M trình bày:

Giữa ông và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long (gọi tắt là Công ty Hùng Long) có ký kết 02 hợp đồng kinh tế:

- **Hợp đồng số 01:** Ký ngày 18/7/2008 giữa ông và Công ty Hùng Long về phần đất đắp đê và nạo vét kênh Rỗng Gòn- Cầu Đình (bờ hữu ven sông Sài Gòn) với các điều khoản trong hợp đồng như sau:

Đơn giá: Đơn giá khoán gọn đào và đắp đê, vét mặt đến công trình thiết kế, đánh taly mái bờ đê là: 19.000đ/m³ (Trong đó: Đào đất và đắp đê là 15.000đ/m³, ủi mặt và vét taly mái là 4.000đ/m³). Tất cả yêu cầu kỹ thuật thi công phải tuân thủ theo sự giám sát của bên Hùng Long và giám sát chủ đầu tư. Thời gian thi công 10 tháng tương đương là 14.500m³/tháng.

Phương thức thanh toán: Sau khi hai bên ký hợp đồng, bên ông tập kết xe máy đến hiện trường, bên Công ty Hùng Long sẽ tạm ứng 20.000.000đ. Hàng tuần căn cứ vào lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế bên Công ty Hùng Long sẽ cung cấp để xe máy hoạt động và giải quyết tiền ăn và một số chi phí khác cần thiết. Hết tháng, căn cứ vào khối lượng tương đương như đã đăng ký tại Điều III.1 bên Công ty Hùng Long sẽ thanh toán 90% giá trị nghiệm thu khối lượng thực tế sau khi đã trừ giá trị tạm ứng.

Ông bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng thiết bị xe máy thi công tại công trường và hỗ trợ thêm ca máy để thi công phần công = 1.800.000đ/ca cho công việc đứng trên bờ, 2.100.000đ/ca cho công việc xe cuốc đứng dưới sà lan.

Những khối lượng còn lại bên Công ty Hùng Long nghiệm thu công trình với chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% bằng tiền mặt trong vòng 10 ngày.

Căn cứ vào “biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành” ngày 15/10/2009 giữa Công ty Hùng Long và ông, có giám sát B và giám sát chủ đầu tư, đủ thành phần theo hợp đồng như sau:

Căn cứ vào “xác nhận nghiệm thu khối lượng” ngày 24/9/2008 khối lượng 54.875m³. Căn cứ vào “xác nhận nghiệm thu khối lượng lần 2” ngày 12/11/2008 khối lượng 52.681m³. Tổng cộng: 107.556m³

Ngoài ra căn cứ vào “biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian” đắp đất chọn lọc của chủ đầu tư và Công ty Hùng Long ngày 26/9/2008 khối lượng 13.477,3m³ và ngày 12/11/2008 khối lượng là: 13.477,3m³.

Căn cứ vào “biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian” của chủ đầu tư và Công ty Hùng Long ngày 18/12/2009, khối lượng là: 10.000m³. Cộng khối lượng đất đắp đê 03 lần trên là: 107.556m³ + 26.954,6m³ + 10.000m³ = 144.510,6m³. Giá theo hợp đồng là: 144.510,6m³ x 19.000đ = 2.745.701.400đ

Khối lượng trên được giám sát A và chủ đầu tư giải ngân thanh toán cho nhà thầu chính (Công ty Hùng Long). Nghiệm thu khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng theo hợp đồng giao khoán ký ngày 18/7/2008 giữa Công ty Hùng Long với đội thi công Đoàn Hoàng M.

Ngoài ra căn cứ vào 03 biên bản “biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành” ngày 10/11/2009 (khối lượng lần lượt là: 8.135m³; 438m³; 2.437m³) và “biên bản xác nhận khối lượng theo thời gian” của chủ đầu tư và Công ty Hùng Long ngày 26/9/2008 và ngày 12/11/2008 và tại cuộc họp ban chỉ huy công trình ngày 22/8/2009 có ông Chấn, ông Tân, bà Lan (kế toán trưởng) đều ký xác nhận (giá chưa thỏa thuận) nên được tính theo giá của chủ đầu tư thanh toán cho Công ty Hùng Long là 65.283đ/m³ và được tính giá như sau: 8.135m³ + 438m³ x 65.283đ/m³ =

585.523.227đ. Khối lượng $2.437\text{m}^3 \times (65.283\text{đ}/\text{m}^3 - 19.000\text{đ}/\text{m}^3)$ vì đã tính một lần trong 10.000m^3 và vì đây là đất chọn lọc = 112.791.671đ. Tổng cộng là 698.314.898đ. Như vậy khối lượng và giá trị nghiệm thu hợp đồng số 01 là: $2.745.701.400\text{đ} + 698.314.898\text{đ} = 3.444.016.298\text{đ}$.

Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng, Công ty Hùng Long còn nợ ông số tiền 2.221.664.230 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm ba mươi đồng).

- Về tiền lãi phát sinh: Hợp đồng này được nghiệm thu kéo dài ở nhiều thời điểm khác nhau, nên ông yêu cầu tính bình quân làm 2 phần:

+ Phần đầu số tiền 1.359.201.400 đồng tính lãi bình quân từ 30/10/2008 đến ngày 30/12/2016 thời gian: 8 năm 2 tháng = 98 tháng theo lãi suất 0,75% tháng, từ 01/01/2017 đến ngày xét xử lại sơ thẩm, nhưng tạm tính đến ngày khởi kiện bổ sung 18/12/2019 với thời gian: 2 năm 11 tháng 17 ngày = 35 tháng 17 ngày theo lãi suất 1,66% tháng: $(1.359.201.400\text{đ} \times 98 \times 0,75\%) + (1.359.291.400\text{đ} \times 35\text{ tháng } 17\text{ ngày} \times 1,66\%) = 1.801.494.596\text{ đồng}$.

Phân bổ sung lãi lần 2 hợp đồng số 01: $1.359.201.400\text{đ} \times 23\text{ tháng} \times 1,66\% = 518.943.094$. Như vậy, gốc và lãi hợp đồng số 1: $1.359.201.400\text{đ} + 1.801.494.596\text{đ} + 518.943.094\text{đ} = 3.679.639.090\text{đ}$

+ Phần còn lại của Hợp đồng số 01: 2.221.664.230 đồng - 1.359.201.400 đồng = 862.462.830 đồng, tính lãi bình quân từ ngày 10/12/2009 đến ngày 30/12/2016 với thời gian: 7 năm 20 ngày = 84 tháng 20 ngày theo lãi suất 0,75% tháng, từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử lại sơ thẩm, nhưng tạm tính đến ngày khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2019 với thời gian: 2 năm 11 tháng 17 ngày = 35 tháng 17 ngày theo lãi suất 1,66% tháng: $(862.462.830\text{đ} \times 84\text{ tháng } 20\text{ ngày} \times 0,75\%) + (862.462.830\text{đ} \times 35\text{ tháng } 17\text{ ngày} \times 1,66\%) = 1.056.057.140\text{ đồng}$.

Phân bổ sung lãi lần 2 hợp đồng số 01: $862.462.830\text{đ} \times 23\text{ tháng} \times 1,66\% = 329.288.308\text{đ}$. Như vậy, gốc và lãi hợp đồng số 01: $862.462.830\text{đ} + 1.056.057.140\text{đ} + 329.288.308\text{đ} = 2.247.808.278\text{ đồng}$.

Tổng lãi và gốc của hai phần của hợp đồng số 01: $3.679.639.090\text{đ} + 2.247.808.278\text{đ} = \mathbf{5.927.447.368\text{đ}}$ (Năm tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng).

- **Hợp đồng số 2:** Thi công cống kênh Rõng Gòn - Cầu Đình ký kết ngày 24/07/2008. Giá trị khoán gọn phần thi công 32 cống phi 60 và 17 cống phi 30 là 4.928.000.000đ. Tất cả kỹ thuật thi công phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của giám sát phía Công ty Hùng Long và giám sát chủ đầu tư. Thời gian thi công là 12 tháng, chia làm 8 đợt, mỗi đợt thi công 4 cống, thời gian thi công mỗi đợt là 45 ngày.

Phương thức thanh toán: Sau khi hai bên ký xong hợp đồng, bên ông có trách nhiệm tập kết vật tư đến hiện trường để thi công. Sau khi ông thi công hoàn thành và nghiệm thu từng cống, bên Công ty Hùng Long sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu khối lượng thực tế trong thời gian 2 ngày. Khi vật tư có biến động về giá, thì hai

bên sẽ bàn bạc tính toán phần trượt giá vật tư cho bên ông, khi được nhà nước cho phép.

Trách nhiệm của bên Công ty Hùng Long: Cam kết thanh toán tiền cho bên ông toàn bộ giá trị quyết toán theo thời gian, cử cán bộ giám sát thi công cho bên ông làm đúng theo thiết kế, cung cấp hồ sơ bản vẽ thiết kế và tạo mọi điều kiện để bên ông thi công đúng tiến độ.

Bên ông chịu trách nhiệm pháp lý trước bên Công ty Hùng Long và chủ đầu tư về tiến độ thi công, chịu trách nhiệm an toàn lao động, an toàn giao thông trên đường vận chuyển, trong quá trình thi công trong khu vực theo đúng quy định nhà nước; bố trí xe máy, nhân công, thiết bị để thi công đúng tiến độ. Trong quá trình thi công, bên ông có trách nhiệm cung cấp hóa đơn cho bên Công ty Hùng Long khoảng 70% giá trị hợp đồng đã ký kết, không được để dồn đến cuối công trình mới cung cấp.

Căn cứ theo hợp đồng số 2 giá công phi 30 là 10.500.000đ/công, công phi 60 là 148.421.000đ/công. Sau khi ký hợp đồng ông đã thực hiện 12 công phi 60 trong đó có 10 công đã hoàn chỉnh, còn 02 công chưa rọ đá, đồng thời đã thực hiện xong 17 công phi 30 theo hợp đồng. Phần công phi 30 đã thanh toán xong, còn lại 10 công phi 60 hoàn chỉnh là 1.332.210.000đ và 02 công chưa rọ đá là 234.000.000đ, cộng cử trầm làm rọ đá 12 công là 5213 cây x 16.000đ/ cây là 83.408.000đ. Tổng giá trị ông đã làm 12 công phi 60 là 1.649.618.000đ. Sau khi trừ số tiền tạm ứng, Công ty Hùng Long còn nợ ông số tiền 1.091.212.000đ.

Về tiền lãi: Tính lãi bình quân từ ngày 01/02/2009 đến ngày 30/12/2016 với thời gian: 7 năm 11 tháng = 95 tháng theo lãi suất 0,75% tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử lại sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2019 với thời gian: 2 năm 11 tháng 17 ngày = 35 tháng 17 ngày theo lãi suất 1,66% tháng: $(1.091.212.000đ \times 95 \times 0,75\%) + (1.091.212.000đ \times 35 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} \times 1,66\%) = 1.451.747.389 \text{ đồng}$. Phần bổ sung lãi lần 2 hợp đồng số 2: $1.091.212.000đ \times 23 \text{ tháng} \times 1,66\% = 416.624.741đ$

Tổng lãi và gốc của hợp đồng số 2 lãi và gốc: $1.091.212.000đ + 1.451.747.389đ + 416.624.741đ = 2.959.584.130đ$

Về phần bù giá do vật tư có sự biến động về giá với số tiền: 520.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/12/2016 với thời gian: 6 năm = 72 tháng theo lãi suất 0,75% tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2019 với thời gian: 2 năm 11 tháng 17 ngày = 35 tháng 17 ngày theo lãi suất 1,66% : $(520.000.000đ \times 72 \times 0,75\%) + (520.000.000đ \times 35 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} \times 1,66\%) = 632.834.666đ$.

Phần bổ sung lãi bù giá: $520.000.000đ \times 23 \text{ tháng} \times 1,66\% = 198.536.000đ$

Tổng lãi và gốc phần bù giá: $520.000.000đ + 632.834.666đ + 198.536.000đ = 1.351.370.666đ$ (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Trương Duy T, bà Nguyễn Thị Xuân L và những người thừa kế thứ nhất của ông Trương Duy T và Công ty TNHH Xây dựng số 9 có trách nhiệm thanh toán cho ông Mai: (Hợp đồng số 1) + (Hợp đồng số 2) + (Phần bù giá) = 5.927.447.368đ + 2.959.584.130đ + 1.351.370.666đ = **10.238.402.164đ** (Mười tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm lẻ hai ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng).

Theo ông, ông Trương Duy T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Hùng Long cho rằng vốn điều lệ của Công ty Hùng Long chỉ có vợ chồng ông là Trương Duy T và bà Nguyễn Thị Xuân L thực hiện việc góp vốn, nhưng không đủ số vốn đã đăng ký, không nhớ số vốn đã góp là bao nhiêu, hiện nay vốn điều lệ của Công ty không còn, không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và Công ty Hùng Long đã bị rút giấy phép kinh doanh. Vì vậy, ông Trương Duy T, bà Nguyễn Thị Xuân L, những người kế thừa thứ nhất và Công ty TNHH Xây dựng số 9 phải có trách nhiệm để trả nợ cho ông theo quy định của pháp Luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Vào năm 2008, Công ty Hùng Long và ông Đoàn Hoàng M có thỏa thuận ký hai hợp đồng giao khoán thi công công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn – Cầu Đình như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Hạng mục nạo vét kết hợp đắp bờ bao kênh Rỗng Gòn – Cầu Đình dài 4.328m x 2 bên = 8.656m ký ngày 18/7/2008.

Theo hợp đồng thứ nhất: Bên A (Công ty Hùng Long) giao cho bên B (ông Đoàn Hoàng M) thi công nạo vét kết hợp đắp bờ bao ven kênh Rỗng Gòn – Cầu Đình với tổng tuyến chiều dài 8.656m; khối lượng tạm tính là 141.427 m³, thời gian thi công là 10 tháng từ ngày 18/7/2008 đến ngày 18/5/2009. Đơn giá đào đắp hoàn thiện theo thiết kế là 19.000 đồng/m³, trong đó đào kênh đắp đê là 15.000 đồng/m³, ủi mặt, vét mái taluy là 4.000 đồng/m³.

Sau khi ký kết hợp đồng bên ông M thi công rất chậm, ngày 15/10/2009, nghiệm thu đợt 1: 107.556 m³ (chậm 5 tháng so với hợp đồng). Ngày 18/12/2009, nghiệm thu đợt 2: 10.000 m³ (chậm 7 tháng so với hợp đồng). Tổng giá trị đào rạch, đắp đê là 117.556 m³ x 19.000 đồng = 2.233.564.000 đồng. Bên Công ty Hùng Long ứng cho ông M 2.415.000.000 đồng (gồm 59 phiếu tạm ứng do ông M ký nhận). Do công trình chưa được chủ đầu tư nghiệm thu nên theo điều III.2 và điều III.4 hợp đồng bên A thanh toán cho bên B 90% khối lượng nghiệm thu 2.233.564.000 đồng x 90% = 2.010.207.600 đồng + dọn dẹp 45.000.000 đồng + phen tre 4.130.640 đồng, cộng 2.059.338.240 đồng. Như vậy, hợp đồng thứ nhất ông M đã ứng thừa 355.661.760 đồng.

Hợp đồng thứ hai: Thi công ống cống Rỗng Gòn – Cầu Đình. Ký kết ngày 24/7/2008: Theo hợp đồng: Bên A (Công ty Hùng Long) giao cho bên B (ông Đoàn Hoàng M) thi công 32 cống phi 60 và 17 cống phi 30; trong đó cống phi 60 có 29 cống L1 và 3 cống L2. Đơn giá 1 cống phi 60 L1 là 147.629.720 đồng; đơn giá 1 cống phi 60 L2 là 145.935.707 đồng; đơn giá 1 cống phi 30 là 12.289.321 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng: 20 công phi 60 L1 x 147.629.720 đồng = 4.281.262.000 đồng. 3 công phi 60 L2 x 145.935.707 đồng = 437.807.212 đồng. 17 công phi 30 x 12.289.321 đồng = 208.918.457 đồng. Cộng: 4.927.987.669 đồng (lấy số tròn: 4.928.000.000 đồng). Thời gian thi công 12 tháng từ ngày 24/7/2008 đến ngày 24/7/2009. Quá trình thực hiện hợp đồng ông M làm được 12 công phi 60, nghiệm thu ngày 15/8/2009, ngày 25/9, ngày 27/9 và ngày 28/9/2009 cho 12 công so với tổng số 32 công trong hợp đồng (chậm 2 tháng so với hợp đồng). Giá trị quyết toán là: 1.151.637.703 đồng. Ông M ứng 977.869.258 đồng. Như vậy, Công ty Hùng Long còn nợ lại số tiền 173.768.445 đồng của ông Mai.

Đội ông Cao Hồng S ứng tiền và vật tư để làm công phi 60 số tiền là 219.062.000 đồng (có phiếu chi).

Ông M làm được 17 công phi 30 giá trị quyết toán 118.647.862 đồng. Ngoài ra, trong quá trình thi công chủ đầu tư yêu cầu Công ty Hùng Long làm thêm 70 công phi 30; Công ty Hùng Long giao cho ông Mai thực hiện 70 công phi 30 giá trị quyết toán là 453.432.420 đồng. Tổng cộng 02 lần thực hiện công phi 30 là $118.647.862 + 453.432.420 = 572.080.282$ đồng. Ông M ứng của Công ty Hùng Long 750.130.000 đồng. Như vậy, ông M ứng thừa 178.049.718 đồng (làm tròn).

Trong thi công đắp đê bao có phát sinh việc đóng cừ tràm, cừ dừa chống sạt lở. Công việc này Công ty Hùng Long có ứng tiền cho ông Mai mua cừ tràm và cừ dừa về làm là 634.840.000 đồng. Nhưng giá trị nghiệm thu số tiền là 557.315.000 đồng, như vậy Công ty Hùng Long ứng thừa số tiền 77.525.000 đồng. Phần phát quang và phen tre: Phát quang nghiệm thu ngày 26/9/2008 giá trị quyết toán 57.810.737 đồng. Phen tre nghiệm thu ngày 12/11/2008 giá trị quyết toán 5.785.920 đồng. Cộng quyết toán 2 công việc trên là 63.596.657 đồng; Công ty Hùng Long thanh toán cho ông Mai 75% là 47.697.492 đồng ; Công ty Hùng Long giữ lại 25% làm chi phí quản lý và đóng thuế.

Căn cứ phụ lục hợp đồng số 16/PLHĐ-BQLĐT ngày 13/6/2012 phân bù giá vật tư 12 công phi 60 và 17 công phi 30 là 122.108.824 đồng, nhưng do ông Mai tự ý bỏ thi công, vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty Hùng Long, mặt khác khi mua vật tư thi công ông Mai không báo giá cho Công ty Hùng Long nên phần này ông M không được hưởng.

Ngoài ra, trong quá trình thi công ông M thi công rất chậm, chủ đầu tư đã phạt 38.909.485 đồng, ông M vi phạm hợp đồng, ông Mai phải chịu phần này.

Như vậy, so với tiền ứng, tiền quyết toán của ông M cùng các khoản phạt, ông M phải hoàn trả lại cho Công ty Hùng Long 869.210.963 đồng, trừ lại số tiền mà Công ty Hùng Long còn nợ lại làm công phi 60 là 173.768.445 đồng. Như vậy, ông M phải hoàn trả cho Công ty Hùng Long số tiền 695.442.518 đồng.

Trước đây ông Trương Duy T là người đại diện hợp pháp cho Công ty Hùng Long có làm đơn phản tố yêu cầu ông Đoàn Hoàng Mai hoàn trả cho Công ty Hùng Long số tiền 695.442.518 đồng nhưng do ông T chưa nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án chưa thụ lý yêu cầu phản tố. Nay bà L yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn yêu cầu: Buộc ông Đoàn Hoàng M phải hoàn trả cho Công ty Hùng Long số tiền

695.442.518 đồng và trả lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật đối với số tiền 695.442.518 đồng từ 13/6/2012 (tính từ ngày ký phụ lục hợp đồng cuối cùng) đến ngày 13/8/2022 (ngày có đơn yêu cầu phản tố là 10 năm 2 tháng). Số tiền lãi suất chậm trả phải thanh toán cụ thể như sau: $695.442.518 \text{ đồng} \times 10 \text{ năm} \times 10\%/năm + 695.442.518 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 706.986.863 \text{ đồng}$. Tổng cộng: Tiền gốc + lãi chậm thanh toán = $695.442.518 \text{ đồng} + 706.986.863 \text{ đồng} = \mathbf{1.402.428.381 \text{ đồng}}$.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Ch trình bày: Vào ngày 06/03/2013 ông có mua 1 xe ô tô 7 chỗ ngồi hiệu Chevrolet Captiva 2008 của Công ty Hùng Long bán để trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Long An.

Thông qua Ngân hàng ông và ông Trương Duy T đại diện Công ty Hùng Long tiến hành ký hợp đồng mua bán xe theo quy định pháp luật. Hình thức thanh toán là chuyển khoản 350.000.000đ vào tài khoản của Ngân hàng để trả nợ vay cho ông Tân.

Ngày 25/04/2013 ông tiến hành làm thủ tục sang tên thì Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An không tiếp nhận hồ sơ của ông. Lý do tài sản đang tranh chấp và Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch xe.

Việc giao dịch giữa ông M và Công ty Hùng Long không liên quan đến ông, ông đề nghị tòa án xem xét tạo điều kiện cho ông hoàn thành thủ tục sang tên xe.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành Ch tại bản tự khai ngày 15/9/2011 trình bày:* Ngày 26 tháng 5 năm 2008 Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng số 16/2008/HĐXD-BQLDA với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hùng Long gói thầu 4B1, với tổng giá trị là 11.541.991.000đ thi công tuyến đê bao và các cống, Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đã thanh toán tạm ứng cho Công ty Hùng Long nhận đủ 11.135.817.000đ, hiện nay Công ty Hùng Long tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Hồng S, tại bản tự khai ngày 01/11/2010, trình bày:* Số tiền ông tạm ứng 08 phiếu là 85.362.000đ là do ông tạm ứng làm công trình ở Tân Tạo chứ không liên quan đến công trình của ông Đoàn Hoàng M và hiện nay Công ty Hùng Long còn nợ ông 200.000.000đ ông sẽ khởi kiện sau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn V, tại bản tự khai ngày 12/5/2011, trình bày:* Vào khoảng tháng 6/2009 ông có nhận tiền của Công ty Hùng Long để khắc phục sự cố chống lũ ở khu vực gói thầu 4B1 với tổng số tiền tạm ứng là 138.700.000đ, số tiền ông nhận là mua cừ dừa và cừ tràm. Ông nhận là do nhận khoán riêng giữa ông và Công ty Hùng Long không liên quan tới công trình của ông Mai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hoàng M, buộc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long, bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V, bà Trương Trị Khánh Ch và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 hoàn trả tiền thuê dịch vụ còn nợ cho ông Đoàn Hoàng M gốc, lãi và trượt giá tổng cộng là 8.517.992.674 đồng (Tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng)

Không chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của ông Đoàn Hoàng M do yêu cầu không có căn cứ là 1.721.000.000 (Một tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu đồng)

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Xuân L, buộc ông Đoàn Hoàng M phải trả cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long do bà Nguyễn Thị Xuân L đại diện số tiền ứng thừa và tiền lãi là 421.412.335đ (Bốn trăm hai mươi một triệu, bốn trăm mười hai ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng)

Cản trừ nghĩa vụ buộc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Duy Tân gồm bà Nguyễn Thị Xuân L, Trương Thị Khánh V, Trương Trị Khánh Ch và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Hoàng M số tiền: $8.517.992.674đ - 421.412.335đ = 8.096.580.339đ$. (Tám tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi ngàn, ba trăm ba mươi chín đồng)

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh Ch

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2013/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An. Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2013/QĐ-BPBD ngày 25/4/2013 và giao trả cho ông Đoàn Hoàng M một sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AL4997799 do ông Đoàn Hoàng M đứng tên gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Long An.

Kể từ ngày ông Đoàn Hoàng M có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Duy T gồm bà Nguyễn Thị Xuân L, Trương Thị Khánh V, Trương Trị Khánh Ch và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 chưa thi hành xong còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đoàn Hoàng M không phải chịu án phí thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí. Ông Đoàn Hoàng M được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.958.280đ theo các biên lai thu số 004411 ngày 05/4/2010, số 0002631 ngày 26/3/2012 và số 0001147 ngày 21/4/2015 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An.

Bà Nguyễn Thị Xuân L thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long, bà Trương Thị Khánh V, Trương Thị Khánh Ch và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số

9 có nghĩa vụ liên đới nộp phải nộp 87.072.435đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.036.000đ theo biên lai số 0001814 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hùng Long, bà Trương Thị Khánh V, Trương Thị Khánh Ch và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 còn phải liên đới nộp số tiền 60.036.435đ (Sáu mươi triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi lăm đồng).

Sung vào ngân sách nhà nước tiền tạm ứng án phí ông Lê Thanh Ch đã nộp 400.000đ theo biên lai thu tiền số 0004809 ngày 24/3/2014 và số 0001127 ngày 16/04/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 20/02/2023, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 22/02/2023, bà Nguyễn Thị Xuân L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, Luật sư Vũ Đình Th trình bày tranh luận:

Hợp đồng giao khoán ngày 18/7/2008: Đối với khối lượng đất chọn lọc 26.954m³, ông Mai không cung cấp được biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa ông và Công ty Hùng Long nên không có căn cứ xác định ông Mai có thực hiện khối lượng đất chọn lọc 26.954m³. Mặt khác, khối lượng đất chọn lọc là phải lấy từ nơi khác đến nên việc ông Mai cho rằng khối lượng đất nêu trên được đào đắp tại chỗ nên chỉ tính đơn giá là 19.000 đồng/m³ là không có căn cứ.

Hợp đồng giao khoán ngày 24/7/2008: Đối với Công phí 60, ông Mai chỉ thực hiện được 12 công và cũng chỉ thực hiện được 19 hạng mục so với 25 hạng mục theo thỏa thuận tại Bảng khối lượng dự thầu kèm theo hợp đồng. Về phần tính trượt giá: Theo thỏa thuận của hợp đồng chỉ thỏa thuận trượt giá vật tư nhưng ông Mai yêu cầu tính trượt giá cả chi phí nhân công và máy thi công là không đúng theo thỏa thuận.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Hùng Long và Công ty Bình Minh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bị mất tư cách pháp nhân nên không đưa hai Công ty trên vào tham gia tố tụng là không đúng, vi phạm thủ tục tố tụng. Bởi vì, theo khoản 1 Điều 96 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hai công ty trên không thuộc trường hợp đã chấm dứt pháp nhân. Mặt khác, hai người con của ông Tân (Trương Thị Khánh V và Trương Thị Khánh Ch) chưa khai nhận di sản thừa kế của ông T để lại nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc liên đới trả nợ cho ông M là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Ngoài ra, ông Ninh Bá Chấn là thành viên và là đại diện theo pháp luật của Công ty Xây dựng Số 9, ông Chấn hiện đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông Chấn là bà Nguyễn Thị Sợi vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó cũng cần đưa những cổ đông còn lại

vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, với những lý do trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tuyên hủy bản án số 04/2023/DSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

+ Hợp đồng giao khoán ngày 18/7/2008: Hai bên thống nhất về khối lượng đất ông Mai đào đắp thi công là 117.556m^3 , theo các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian ngày 26/09/2008, 12/11/2008 và ngày 18/12/2009.

Tuy nhiên, theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (khối lượng phát sinh) ngày 10/11/2009 bao gồm: 8.135m^3 (khối lượng các ao địa); 438m^3 (khối lượng đất trung chuyển đắp đê); 2.437m^3 (khối lượng đất đắp đê). Tổng khối lượng đất phát sinh là 11.010m^3 (do khi chủ đầu tư nghiệm thu đo khối lượng bằng máy thì khối lượng phát sinh được nghiệm thu là 10.000m^3). Do đó, căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian ngày 18/12/2009 (thực hiện đợt 5) là 10.000m^3 .

Theo nội dung đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/06/2010, ông Mai cho rằng do phát sinh bến đá (vì toàn đá, sỏi khó đào nên tính giá cao) nên được tính khối lượng đất phát sinh: $2.437\text{m}^3 \times 31.000\text{đ} = 75.547.000$ đồng (còn các khối lượng đất đã hoàn thành hai bên cùng thống nhất theo đơn giá là 19.000 đồng/ m^3 bao gồm: $107.556\text{m}^3 + 8.135\text{m}^3 + 438\text{m}^3 = 116.129\text{m}^3 \times 19.000\text{đ} = 2.206.451.000\text{đ}$). Đây là khối lượng đất phát sinh do hai bên không thống nhất về đơn giá. Bởi lẽ, phần phát sinh này giữa Công ty Hùng Long với ông M không có ký bất kỳ phụ lục hợp đồng nào và cũng không thỏa thuận về giá thi công, ông Mai tự tính giá là 31.000 đồng $\times 2.437\text{m}^3$ đất phát sinh nên mới tranh chấp về khối lượng này.

Ông Đoàn Hoàng M căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian của chủ đầu tư (Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình) ngày 26/09/2008 có thể hiện khối lượng đất chọn lọc để đắp là $13.477,3\text{m}^3$ và ngày 12/11/2008 có khối lượng đất chọn lọc là $13.477,3\text{m}^3$ (tổng cộng là $26.954,6\text{m}^3$), ngoài các biên bản xác nhận khối lượng mà hai bên đã thống nhất thì ông M không có cung cấp biên bản nghiệm thu khối lượng nào của 02 lần đắp đất chọn lọc là $26.954,6\text{m}^3$ với Công ty Hùng Long cũng như chủ đầu tư (việc này ông Mai cũng thừa nhận tại phiên tòa ngày 09/02/2023 là khối lượng đất chọn lọc $26.954,6\text{m}^3$ ông M không có thực hiện). Mặt khác, đối với phần đất chọn lọc $26.954,6\text{m}^3$, Công ty Hùng Long đã thuê Công ty Đại Hoàng thực hiện mà không phải ông Mai thực hiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hoàng M như sau: Theo nội dung đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2021, ông Đoàn Hoàng M nêu: “Nay tôi làm đơn khởi kiện bổ sung này và vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện trước đây”, ông Mai chỉ yêu cầu tính lãi phát sinh cho hợp đồng số 01 với số tiền là $2.221.664.230$ đồng, chứ ông Đoàn Hoàng M không tranh chấp về khối lượng đất chọn lọc là $26.954,6\text{m}^3$. Cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 09/02/2023 và giải quyết luôn phần khối lượng đất chọn lọc là $26.954,6\text{m}^3$ là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông M.

+ Hợp đồng giao khoán ngày 24/7/2008:

Đối với công phi 60: Hai bên thống nhất ông Đoàn Hoàng M đã thực hiện được 10 công phi 60, bao gồm: Công RG 4, 5, 6, 7, 11A, 10, 12, 12B, 13, 15 và 02 công phi 60 chưa hoàn thành gồm: RG 9, 11. Tuy nhiên, căn cứ theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 15/08/2009 thì ông M chỉ thực hiện được 19 hạng mục so với 25 hạng mục theo hợp đồng.

Ngoài ra, đối với 02 Công RG 9, 11 chưa hoàn thành làm phần mái nên được trừ lại mỗi cái 20.000.000 đồng (2 công = 40.000.000 đồng), theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được 02 bên thống nhất ngày 15/08/2009. Do đó, ông Đoàn Hoàng M tính 02 công RG 9, 11 chưa hoàn thành (chưa làm rọ đá, mái) với giá 117.000.000đ/cái cũng không có căn cứ.

Đối với công phi 30: Ông M đã thực hiện 17 công phi 30 (theo hợp đồng). Tuy nhiên, theo Bảng khối lượng dự thầu do ông Đoàn Hoàng M ký xác nhận công phi 30 có 9 hạng mục, theo bảng giá khoán công phi 30 trong hợp đồng là 12.289.321đ/cái. Nhưng khi thi công do điều kiện thực tế công phi 30 giảm chỉ còn thực hiện 6 hạng mục công việc, điều này cũng phù hợp với biên bản nghiệm thu đợt 1 ngày 26/09/2008 được chủ đầu tư phê duyệt thì ông Đoàn Hoàng M chỉ thực hiện được 06 hạng mục công việc. Như vậy, 17 công phi 30 đã thực hiện có giá trị là 6.974.106 đồng x 17 công = 118.560.000 đồng (tròn số).

Đối với công phi 30 phát sinh ngoài hợp đồng: Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/04/2010 ông Đoàn Hoàng M cho rằng:

Căn cứ biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng: 108 biên bản công phi 30. Căn cứ biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng: Biên bản phúc tra từ ngày 04 - 09/02/2010 và cùng các biên bản hiện trường từ ngày 15 và ngày 17/10/2010 được thể hiện ông Đoàn Hoàng M đã thi công 108 công phi 30, giá công phi 30 được thống nhất là 11.000.000 đồng/cái x 108 công = 1.188.000.000 đồng. Nhưng do bất đồng giữa 2 bên nên ông M đồng ý và tự nguyện chỉ yêu cầu thanh toán 104 công phi 30, trong đó có 17 công nằm trong hợp đồng, nên phần công phát sinh ngoài hợp đồng là 87 cái. Yêu cầu trên của ông Mai là không có căn cứ, bởi lẽ theo biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian ngày 06/5/2010 được Chủ đầu tư nghiệm thu với Công ty Hùng Long thì khối lượng thực hiện đợt 7 được nghiệm thu chỉ có 70 công phi 30, khối lượng cho 01 công chỉ thực hiện được 06 hạng mục, cũng giống như 17 công 30 thực hiện trong hợp đồng.

Đối với phần phát sinh cừ tràm, cừ dừ từ ngày 17/10/2008 đến ngày 18/12/2009: Ông M thừa nhận trực tiếp ứng tiền thi công thừa từ Công ty Hùng Long và Công ty cũng đã có đơn yêu cầu phản tố nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Hùng Long.

Đối với phần trượt giá: Theo đơn khởi kiện bổ sung về bù giá vật liệu, nhân công và máy thi công của ông Đoàn Hoàng M vào ngày 08/2/2012 cho rằng: Trong quá trình thi công Công ty Hùng Long được Chủ đầu tư bù giá vật liệu, nhân công và máy thi công với số tiền trượt giá là 693.497.297 đồng và yêu cầu Công ty Hùng Long phải tính phần trượt giá bằng 75% của số tiền 693.497.297 đồng = 520.000.000

đồng theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Việc ông Đoàn Hoàng M tính phần trượt giá cho cả nhân công và máy thi công là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo hợp đồng giao khoán ngày 24/07/2008 giữa Công ty Hùng Long với ông Đoàn Hoàng Mai chỉ thỏa thuận về phần trượt giá vật tư chứ không có thỏa thuận trượt giá về nhân công và máy móc.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Khánh V, bà Trương Thị Khánh Ch là bà Nguyễn Thị Xuân L không tranh luận.

- Nguyên đơn ông Đoàn Hoàng M trình bày tranh luận: Phần khối lượng đất chọn lọc 26.954,6m³ phía bị đơn nói ông không làm nhưng không chứng minh ai là người thực hiện việc đào đắp đất chọn lọc nêu trên. Đối với khối lượng 2.437m³ đất phát sinh được mang từ nơi khác đến đắp đê, san lấp ao hồ đã tính một lần trong 10.000m³ nên được tính theo giá (65.283 đồng – 19.000 đồng). Về phần cừ tràm, cừ dừa và các phát sinh khác ông đã ứng thừa số tiền 29.630.000 đồng nên đồng ý thanh toán lại số tiền này. Đối với 12 cống phi 60, ông đã thực hiện hoàn tất 24 hạng mục theo thỏa thuận, chỉ có hai cống chưa làm rọ đá và mái cống. Đối với cống phi 30, ngoài 17 cống theo hợp đồng, ông đã thực hiện phát sinh 87 cống nữa, tổng cộng là 104 cống và các cống phi 30 ông đã thực hiện đủ 09 hạng mục theo thỏa thuận của hợp đồng. Ông yêu cầu tính lãi suất đến ngày thi hành án xong. Ông không đồng ý phần trình bày của Luật sư và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân L. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định căn cứ Văn bản số 123/SKHĐT-ĐKKD ngày 11/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An xác nhận tình trạng hoạt động Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long: “*Tình trạng hoạt động của công ty: Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đính kèm quyết định thu hồi số: QĐTH/64944 ngày 17/6/2019)*”. Văn bản số 122/SKHĐT-ĐKKD ngày 11/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An xác nhận tình trạng hoạt động Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh: “*Tình trạng pháp lý của công ty: Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đính kèm quyết định thu hồi số: QĐTH/10084850 ngày 11/5/2021)*”. Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 74, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: “*Trường hợp tổ chức bị giải thể là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh thì cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng*”. Như vậy, việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này bị đơn là ông Trương Duy T, bà Nguyễn Thị Xuân L, Công ty TNHH Xây dựng số 9. Ông Trương Duy T đã chết nên xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bị đơn là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tại Văn bản số

15/SKHĐT-ĐKKD ngày 31/01/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư xác định Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long và Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại Công ty Hùng Long và Công ty Bình Minh chưa chấm dứt tồn tại pháp nhân. Do đó, cần xác định Công ty Hùng Long là bị đơn là có căn cứ.

Về trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Xây dựng số 9, xét thấy: Công ty Hùng Long có vốn góp của Công ty TNHH Xây dựng số 9 và Công ty TNHH Xây dựng số 9 đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 21/6/2018 trong đó vốn điều lệ ông Ninh Bá Chắc góp 33.430.000.000đ, Nguyễn Văn Vinh góp 6.036.000.000đ, Phạm Ngọc Du góp 5.534.000.000đ, Tạ Văn Hùng góp 2.500.000.000đ, Phan Thị Hồng Nga góp 2.500.000.000đ, có ông Chắc là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng số 9. Bản án sơ thẩm không xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng số 9. Theo trích lục khai tử số 42/TLKT-BS ngày 19/4/2019 tại UBND phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì ông Chắc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng số 9 đã chết ngày 18/4/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chắc và cũng không đưa các thành viên góp vốn Công ty TNHH Xây dựng số 9 tham gia tố tụng. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị Xuân L, những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Trương Duy T và Công ty TNHH Xây dựng số 9 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Mai số tiền 8.096.580.330đ là khó có thể thi hành.

Về các biên bản nghiệm thu làm căn cứ giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và đại diện của bà L trình bày không thống nhất về khối lượng công việc mà bên ông M đã thực hiện. Do đó, cần đối chất làm rõ giữa các biên bản nghiệm thu mà ông M cung cấp làm cơ sở cho yêu cầu của ông M với các bảng xác định giá trị đề nghị thanh quyết toán của Công ty Hùng Long với chủ đầu tư.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V, bà Trương Thị Khánh Ch. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa, hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch:

[2.1] Ngày 18/7/2008, ông Đoàn Hoàng M thỏa thuận ký Hợp đồng giao khoán với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long về việc đất

đắp đê và nạo vét kênh Rong Gòn - Cầu Đình (bờ hữu ven sông Sài Gòn) với các điều khoản như sau: Về đơn giá: Đơn giá khoán gọn đào và đắp đê, vét mặt đến công trình thiết kế, đánh taly mái bờ đê là: 19.000đ/m³ (trong đó: Đào đất và đắp đê là 15.000đ/m³, ủi mặt và vét taly mái là 4.000đ/m³). Tất cả yêu cầu kỹ thuật thi công phải tuân thủ theo sự giám sát của bên Công ty Hùng Long và giám sát chủ đầu tư. Thời gian thi công 10 tháng tương đương là 14.500m³/tháng. Đến ngày 24/7/2008, ông Đoàn Hoàng M tiếp tục thỏa thuận ký Hợp đồng giao khoán với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long về việc thi công cống kênh Rong Gòn - Cầu Đình. Giá trị khoán gọn phần thi công 32 cống phi 60 và 17 cống phi 30 là 4.928.000.000đ. Tất cả kỹ thuật thi công phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của giám sát phía Công ty Hùng Long và giám sát chủ đầu tư. Thời gian thi công là 12 tháng, chia làm 8 đợt, mỗi đợt thi công 4 cống, thời gian thi công mỗi đợt là 45 ngày. Sau khi tiến hành thi công theo hợp đồng, do có sự không thống nhất giữa hai bên về số tiền còn nợ theo hợp đồng nêu trên nên ông Đoàn Hoàng M tiến hành khởi kiện đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thấy rằng, theo Quyết định số QĐTH/64944 ngày 17/6/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An, đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long và theo Quyết định số QĐTH/10084850 ngày 11/5/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An, đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh. Mặc dù, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Hùng Long và Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng theo trình bày của bà Lan và theo Công văn số 227/CV-ĐKKD ngày 14/7/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An xác định cho đến thời điểm hiện tại, hai Công ty trên chưa thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 209 và Điều 210 của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Ngoài ra, theo Công văn số 15/SKHĐT- ĐKKD ngày 31/01/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An xác định Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long và Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh chưa chấm dứt pháp nhân. Như vậy, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Hùng Long và Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh không thuộc trường hợp chấm dứt pháp nhân theo quy định tại Điều 96 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long và Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đã chấm dứt pháp nhân nên không đưa hai Công ty trên vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Xét, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 08/8/2007 và cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 04/5/2010 thì Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long có 03 cổ đông gồm: Công ty TNHH xây dựng Bình Minh, Công ty TNHH xây dựng Số 9 và bà Nguyễn Thị Xuân L. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trương Duy T. Ông Trương Duy T chết ngày 19/2/2017. Theo khoản 5 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020, quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chết thì Hội đồng quản trị cử người

khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long không cử người đại diện theo pháp luật thì Tòa án cần phải đưa những cổ đông của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long vào tham gia tố tụng và làm đại diện cho Công ty.

Xét, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 26/9/2000 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/9/2011 thì Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh có 02 thành viên gồm: Ông Trương Duy T và bà Nguyễn Thị Xuân L. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trương Duy T. Ông Trương Duy T chết ngày 19/2/2017. Theo khoản 5 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020, quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chết thì Hội đồng thành viên cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Bình Minh không cử người đại diện theo pháp luật thì Tòa án đưa Thành viên còn lại vào tham gia tố tụng, làm đại diện cho Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh và đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Duy T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 20/3/1999 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 21/6/2018 thì Công ty TNHH Xây dựng Số 9 có 05 thành viên gồm: Ông Ninh Bá Chấn, ông Nguyễn Văn Vinh, ông Phạm Ngọc Du, ông Tạ Văn Hùng và bà Phan Thị Hồng Nga. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Ninh Bá Chấn. Ông Ninh Bá Chấn chết ngày 18/4/2019. Theo khoản 5 Điều 12 Luật doanh nghiệp năm 2020, quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chết thì Hội đồng thành viên cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng Số 9 không cử người đại diện theo pháp luật thì Tòa án cần phải đưa những thành viên còn lại vào tham gia tố tụng và đại diện của Công ty. Đồng thời đưa những người kế thừa, quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ninh Bá Chấn nếu có vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có xác định Công ty TNHH Xây dựng Số 9 là bị đơn nhưng không xác định ai là người đại diện của Công ty khi tham gia tố tụng và cũng không làm rõ ông Chấn có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hay không để đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH Xây dựng Số 9.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long đã chấm dứt pháp nhân và không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hùng Long phải cùng với các đương sự khác thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn ông Đoàn Hoàng M là vi phạm thủ tục tố tụng.

[2.2] Xét Hợp đồng giao khoán ngày 18/7/2008: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Hoàng M và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà L, là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày thống nhất về khối lượng đất ông M đào đắp thi công là 117.556m³, theo các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện theo thời gian ngày 26/09/2008, 12/11/2008 và ngày 18/12/2009.

Xét, đối với khối lượng đất đào đắp theo 03 biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày **10/11/2009** (khối lượng lần lượt là: 8.135m³; 438m³; 2.437m³), tổng cộng là 11.010m³. Bị đơn bà Lan cho rằng khối lượng đất đào đắp nêu trên đã được tính trong biên bản xác nhận khối lượng theo thời gian ngày **18/12/2009** với khối lượng thực hiện là 10.000m³, tuy nhiên nó lại chênh lệch giá trị khối lượng thực hiện đến 1.010m³. Nguyên đơn ông M trình bày cho rằng đối với khối lượng đào đắp 2.437m³ mang từ nơi khác đến để đắp đê, san lấp ao hồ nhưng đã được tính một lần trong 10.000 m³ nên được tính giá như sau: (65.283 đồng – 19.000 đồng) x 2.437m³ = 112.791.671 đồng. Như vậy, cần điều tra, xác minh và đối chất làm rõ đối với khối lượng đào đắp theo 03 biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày **10/11/2009** (khối lượng lần lượt là: 8.135m³; 438m³; 2.437m³), tổng cộng là 11.010m³ có phải đã được tính trong biên bản xác nhận khối lượng theo thời gian ngày **18/12/2009** với khối lượng thực hiện là 10.000m³ hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét, đối với khối lượng đào đắp đất chọn lọc 26.954,6m³: Theo biên bản xác nhận khối lượng theo thời gian ngày 26/9/2008 và ngày 12/11/2008 giữa Chủ đầu tư và Công ty Hùng Long, thì khối lượng đất chọn lọc được đào đắp tổng cộng là 26.954,6m³. Bị đơn bà L cho rằng ông M không trực tiếp thực hiện đào đắp khối lượng đất chọn lọc nêu trên mà do Công ty Hùng Long thuê Công ty Đại Hoàng thực hiện. Ngược lại, nguyên đơn ông M cho rằng chính ông là người thực hiện khối lượng đào đắp nêu trên theo Giấy xác nhận ngày 26/10/2012 của ông Nguyễn Hữu Lãnh. Do đó, cần điều tra, xác minh làm rõ khối lượng đất chọn lọc 26.954,6m³ cụ thể là đất như thế nào, do ông Mai hay Công ty Đại Hoàng thực hiện làm căn cứ giải quyết. Bởi vì, cũng theo Giấy xác nhận ngày 26/10/2012 của ông Nguyễn Hữu Lãnh thì Công ty Đại Hoàng có thực hiện việc trải sỏi đỏ toàn bộ trên phần đất đắp đê của ông Đoàn Hoàng M đã thi công.

[2.3] Xét Hợp đồng giao khoán ngày 24/7/2008:

Về công phi 60: Hai bên thống nhất ông M đã thực hiện 12 công, cụ thể: RG 4, 5, 6, 7, 11A, 9, 10, 11, 12, 12B, 13, 15. Riêng công số 9 và 11, ông Mai chưa làm mái nền. Theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 15/8/2009 (BL 251) hai bên thống nhất trừ lại tiền 02 cái là 40.000.000 đồng. Theo bản khối lượng dự thầu có xác nhận của ông Đoàn Hoàng M (BL 820) thì công phi 60 phải thực hiện 25 hạng mục nhưng theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 15/8/2009 (BL 251) thì ông M chỉ thực hiện được 19 hạng mục. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M trình bày đã thực hiện 24 hạng mục theo thỏa thuận. Do đó, cần điều tra, đối chất làm rõ trên thực tế ông M đã hoàn thành bao nhiêu hạng mục theo biên bản khối lượng dự thầu làm căn cứ giải quyết.

Về công phi 30: Hai bên thống nhất ông M đã thực hiện xong 17 công theo hợp đồng ngày 24/7/2008. Về số công phi 30 phát sinh thêm: Bị đơn bà L trình bày cho rằng ông M chỉ thực hiện thêm 70 công. Ngược lại, ông M trình bày đã thực hiện được tổng cộng 104 (bao gồm 17 công trong hợp đồng, thể hiện tại các biên bản được đánh bút lục số 350 đến bút lục 464). Tuy nhiên, các biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công trình đưa vào sử dụng nêu trên (*tất cả đều bản photo*)

từ bức lục số 350 đến bút lục 464 có đến 09 biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công trình đưa vào sử dụng bị trùng, cụ thể như sau: “*Biên bản theo BL 388 trùng biên bản theo BL 384; Biên bản theo BL 461 trùng biên bản theo BL 389; Biên bản theo BL 444 trùng biên bản theo BL 459; Biên bản theo BL 454 trùng biên bản theo BL 439; Biên bản theo BL 445 trùng biên bản theo BL 460; Biên bản theo BL 442 trùng biên bản theo BL 457; Biên bản theo BL 443 trùng biên bản theo BL 458; Biên bản theo BL 441 trùng biên bản theo BL 456 và Biên bản theo BL 440 trùng biên bản theo BL 455*”, cần được trừ ra. Ngoài ra, theo bản khối lượng dự thầu có xác nhận của ông Đoàn Hoàng M (BL 820) thì công phí 30 phải thực hiện 09 hạng mục. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà L cho rằng ông M chỉ thực hiện được 06 hạng mục so với 09 hạng mục theo thỏa thuận. Ngược lại, ông M trình bày đã thực hiện đầy đủ 09 hạng mục như đã thỏa thuận. Do đó, cần điều tra, đối chất làm rõ trên thực tế ông M đã hoàn thành bao nhiêu hạng mục theo biên bản khối lượng dự thầu để làm căn cứ giải quyết.

Về số tiền trượt giá: Theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 2 Hợp đồng giao khoán ngày 24/7/2008 quy định: Khi vật tư có sự biến động về giá, thì hai bên sẽ bàn bạc tính toán phần trượt giá vật tư cho bên B, khi được nhà nước cho phép. Như vậy, hai bên chỉ thỏa thuận phần trượt giá vật tư mà không đề cập giá nhân công (NC) và máy thi công (MTC). Theo Quyết định số 941/QĐ-BQLĐT ngày 29/10/2010 thì Công ty Hùng Long được Ban quản lý dự án thanh toán phần bù giá vật tư, nhân công và máy thi công. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính chung luôn phần nhân công và máy thi công cho nguyên đơn ông M là không phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng giao khoán ngày 24/7/2008, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[3] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch, hủy bản án sơ thẩm. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, tạm ứng chi phí tố tụng sẽ được cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh V và bà Trương Thị Khánh Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả bà Nguyễn Thị Xuân L, bà Trương Thị Khánh Ch và bà Trương Thị Khánh V mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu lần lượt số 0002106, 0002107, 0002108 cùng ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Nhân